

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-1

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Nhơn Nghĩa A  
Ấp: Nhơn Phú 1, xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :



*[Signature]*

TSL

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-0



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-1

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-2

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Nhơn Nghĩa A  
Ấp: Nhơn Phú 1, xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-2

Trang/ Page No: 2/2

## TEST REPORT

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.22                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.46                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

### Chú thích/ Remarks:

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

### TSL SCIENCE CO.,LTD

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-3

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Đỗ Thành Tâm  
Trạm Nhơn Nghĩa A  
Ấp: Nhơn Phú 1, xã: Nhơn Nghĩa A, huyện: Châu Thành A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



TSL

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-3

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.26                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 25 - C.T.T.N.H.        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.52                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-4

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : **07/01/2023**
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : **07/01/2023**
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Nước tại bể chứa  
Trạm Thạnh Xuân  
Ấp: Trầu Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.31                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.15                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                   |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-4

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br><b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br>1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam  
**Telephone:** (+84) 28.3810.4336  
**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-5

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **07/01/2023**  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : **07/01/2023**  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Thạnh Xuân**  
**Ấp: Trầu Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.25                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.11                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-5

Trang/ Page No: 2/2

**TEST REPORT**

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b><br/> <b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br/>                     1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br/>                     2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br/>                     3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br/>                     4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-6

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Tăng Văn Đủ  
Trạm Thanh Xuân  
Ấp: Trầu Hôi, xã: Thanh Xuân, huyện: Châu Thành A
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.37                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.33                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-6

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br><b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br>1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-7

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Vị Thanh 2  
Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 lại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-7

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.42                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.44                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |



**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-0



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-8

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Vị Thanh 2  
Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

TSL





**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-8

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.42                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  |                        |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.21                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**




**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-9

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 07/01/2023
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 07/01/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân – Huỳnh Chí Tình  
Trạm Vị Thanh 2  
Ấp: ấp 1, xã: Vị Thanh, huyện: Vị Thủy
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :



TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-9

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Colliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.63                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-10

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Hòa Tiến  
Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, huyện: TP.Vị Thanh
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-10

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.34                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.42                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-11

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Hòa Tiến  
Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, huyện: TP.Vị Thanh
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-11

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.38                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2-0.4                |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.21                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-12

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 07/01/2023
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 07/01/2023
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân – Võ Thị Hằng  
Trạm Hòa Tiến  
Ấp: Thạnh An, xã: Hòa Tiến, huyện: TP.Vị Thanh
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam  
Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-12

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.36                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.23                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-13

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Vị Thủy  
Ấp: ấp 4, xã: Vị Thủy, huyện: Vị Thủy
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-13

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.42                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 1                      |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi vị lạ     |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-14

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Vị Thủy  
Ấp: ấp 4, xã: Vị Thủy, huyện: Vị Thủy
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-14

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.36                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- 1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-15

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân – Huỳnh Ngọc Diễm  
Trạm Vị Thủy  
Ấp: ấp 4, xã: Vị Thủy, huyện: Vị Thủy
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-15

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.46                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.33                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- 1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-16

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Nàng Mau  
Ấp: ấp 1, xã: TT. Nàng Mau, huyện: Vị Thủy
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-16

Trang/ Page No: 2/2

**TEST REPORT**

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.42                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.42                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-17

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Nàng Mau  
Ấp: ấp 1, xã: TT. Nàng Mau, huyện: Vị Thủy
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-17

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.45                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-18

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of  
Performance of Test : 07/01/2023
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân – Dương Thị Hồng Lụa  
Trạm Nàng Mau  
Ấp: ấp 1, xã: TT. Nàng Mau, huyện: Vị Thủy
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-18

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.36                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.31                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-19

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **07/01/2023**  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : **07/01/2023**  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Vị Thắng**  
**Ấp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.15                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-19

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b><br/> <b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br/>                     1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br/>                     2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.<br/>                     3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br/>                     4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-20

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **07/01/2023**  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : **07/01/2023**  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Vị Thắng**  
**Ấp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.37                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.12                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                   |




**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-20

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng. tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL. / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-21

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Võ Văn Sờ  
Trạm Vị Thắng  
Ấp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.32                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.52                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-21

Trang/ Page No: 2/2

**TEST REPORT**

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b><br/> <b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br/>                     1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br/>                     2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br/>                     3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br/>                     4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
 Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-22

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Long Bình  
Ấp: Bình Tân , xã: Long Bình, huyện: TX. Long Mỹ
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-22

Trang/ Page No: 2/2

**TEST REPORT**

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.38                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 6.98                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



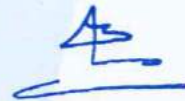
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-23

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Long Bình  
Ấp: Bình Tân, xã: Long Bình, huyện: TX. Long Mỹ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-23

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.37                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.54                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ TÀI THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-24

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Trần Văn Trọng  
Trạm Long Bình  
Ấp: Bình Tân, xã: Long Bình, huyện: TX. Long Mỹ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-24

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.53                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- 1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-25

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Nhà máy nước Long Mỹ  
Áp: ấp 3, xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-25

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.33                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-26

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Nhà máy nước Long Mỹ  
Ấp: ấp 3, xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



# TSL

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-26

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.26                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.21                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-27

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Nguyễn Thị Thúy An  
Nhà máy nước Long Mỹ  
Ấp: ấp 3, xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL./ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-27

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.32                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-28

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Phụng Hiệp  
Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-28

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b><br/> <b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br/>                     1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br/>                     2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br/>                     3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br/>                     4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



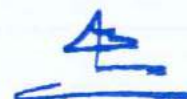
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-29

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **07/01/2023**  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : **07/01/2023**  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Nước cuối nguồn**  
**Trạm Phụng Hiệp**  
**Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.24                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh,  
Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê  
Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng,  
tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid  
only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không  
có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in  
full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



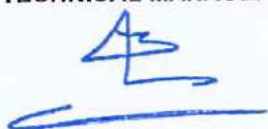
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-29

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b><br/> <b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br/>                     1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br/>                     2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br/>                     3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br/>                     4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam  
**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam  
**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam  
**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-30

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **07/01/2023**  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : **07/01/2023**  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Hộ dân - Lê Thị Nga**  
**Trạm Phụng Hiệp**  
**Ấp: Mỹ Thuận 1, xã: Phụng Hiệp, huyện: Phụng Hiệp**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.33                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-30

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-31

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 07/01/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Tân Phước Hưng  
Ấp: Mỹ Thạnh, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.28                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-31

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b><br/> <b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br/>                     1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br/>                     2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br/>                     3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br/>                     4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-32

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of  
Performance of Test : 07/01/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Tân Phước Hưng  
Ấp: Mỹ Thạnh, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.42                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.14                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-32

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-33

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Lê Văn Tiền  
Trạm Tân Phước Hưng  
Ấp: Mỹ Thạnh, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.24                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.15                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-33

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-34

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **07/01/2023**  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : **07/01/2023**  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm KDCVL Phú Tân**  
**Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)                                           | Kết Quả/ Result (s)           | Đơn Vị/ Unit | GHPH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method      | QCVN 01-1: 2018/BYT |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------|-----------|-----------------------------------|---------------------|
| 1        | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/100mL    | 1         | ISO 9308-1:2014                   | <3                  |
| 2        | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/100mL    | 1         | ISO 9308-1:2014                   | <1                  |
| 3        | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.44                          | mg/L         | -         | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0           |
| 4        | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/ Not Detected | NTU          | 0.33      | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                   |
| 5        | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/ Not Detected | TCU          | 1.67      | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                  |
| 6        | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ           | -            | -         | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ |
| 7        | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.25                          | -            | -         | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5           |
| 8        | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.0003    | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-34

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br><b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br>1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-35

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm KDCVL Phú Tân  
Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.42                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh,  
Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê  
Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng,  
tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid  
only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không  
có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in  
full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-35

Trang/ Page No: 2/2

**TEST REPORT**

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-36

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **07/01/2023**  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : **07/01/2023**  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Hộ dân – Phạm Thị Ba**  
**Trạm KDCVL Phú Tân**  
**Ấp: Phú Tân A, xã: Phú Tân, huyện: Châu Thành**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.34                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.26                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.

2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-36

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br><b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br>1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



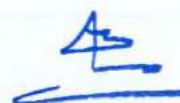
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-37

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 07/01/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm MINI Phú Hữu  
Ấp: Phú Nghĩa, xã: Phú Hữu, huyện: Châu Thành
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/ No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)                                           | Kết Quả/ Result (s)           | Đơn Vị/ Unit | GHPH/ LOD | Phương Pháp Thử/ Test Method      | QCVN 01-1: 2018/BYT |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------|-----------|-----------------------------------|---------------------|
| 1        | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/100mL    | 1         | ISO 9308-1:2014                   | <3                  |
| 2        | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/ Not Detected | CFU/100mL    | 1         | ISO 9308-1:2014                   | <1                  |
| 3        | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.46                          | mg/L         | -         | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0           |
| 4        | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/ Not Detected | NTU          | 0.33      | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                   |
| 5        | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/ Not Detected | TCU          | 1.67      | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                  |
| 6        | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ           | -            | -         | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ |
| 7        | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.33                          | -            | -         | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5           |
| 8        | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | Không phát hiện/ Not Detected | mg/L         | 0.0003    | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-37

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b><br/> <b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br/>                     1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br/>                     2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.<br/>                     3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br/>                     4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-38

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 07/01/2023
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm MINI Phú Hữu  
Ấp: Phú Ngĩa, xã: Phú Hữu, huyện: Châu Thành
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.32                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh,  
Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê  
Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng,  
tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid  
only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không  
có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in  
full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-38

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b><br/> <b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br/>                     1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br/>                     2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br/>                     3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br/>                     4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-39

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 07/01/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân – Phan Thị Mỹ Vui  
Trạm MINI Phú Hữu  
Ấp: Phú Nghĩa, xã: Phú Hữu, huyện: Châu Thành
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.52                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-39

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br>Nhận xét: Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br>1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-40

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Đông Thạnh  
Ấp: Phước Thạnh, xã: Đông Thạnh, huyện: Châu Thành
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chi Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.36                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.54                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kế shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-40

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-41

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Đồng Thạnh  
Ấp: Phước Thạnh, xã: Đồng Thạnh, huyện: Châu Thành
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.54                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.22                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-41

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-42

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân – Chương Văn Ngọt  
Trạm Đông Thạnh  
Ấp: Phước Thạnh, xã: Đông Thạnh, huyện: Châu Thành
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.32                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.41                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-42

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-43

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Đông Phước A  
Ấp: Long Lợi, xã: Đông Phước A, huyện: Châu Thành
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.42                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-43

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**

  
**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

  
**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**


**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-44

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Đông Phước A  
Ấp: Long Lợi, xã: Đông Phước A, huyện: Châu Thành
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.34                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.35                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-44

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-45

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân – Nguyễn Công Nghiệp  
Trạm Đông Phước A  
Ấp: Long Lợi, xã: Đông Phước A, huyện: Châu Thành
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-45

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**

**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-46

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Long Thạnh  
Ấp: Trường Khánh, xã: Long Thạnh, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.56                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.14                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-46

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



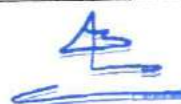
**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-47

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Long Thạnh  
Ấp: Trường Khánh, xã: Long Thạnh, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.46                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-47

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

Chú thích/ Remarks:

Nhận xét: Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT  
TECHNICAL MANAGER



NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



HỒ THỊ THANH PHƯƠNG



TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-48

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address** : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received** : 07/01/2023
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test** : 07/01/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue** : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample** : Hộ dân - Nguyễn Tuấn Hùng  
Trạm Long Thạnh  
Ấp: Trường Khánh, xã: Long Thạnh, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note** :
- Bảng kết quả/ Results Table** :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.37                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.22                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                   |



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-48

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-49

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Hòa An  
Ấp: ấp 8, xã: Hòa An, huyện: Phụng Hiệp
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-49

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.32                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 0.9              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 0.2 - 0.9              |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 0.2 - 0.9              |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.32                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-50

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Hòa An  
Ấp: ấp 8, xã: Hòa An, huyện: Phụng Hiệp
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-50

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.53                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-51

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Nguyễn Lê Phương  
Trạm Hòa An  
Ấp: ấp 8, xã: Hòa An, huyện: Phụng Hiệp
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-51

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.30                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-52

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Phương Bình  
Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-52

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.36                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.18                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-53

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Phương Bình  
Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-53

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.33                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.16                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-54

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Nguyễn Chí Công  
Trạm Phương Bình  
Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-54

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.22                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-55

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Trà Lồng  
Ấp: ấp Long An, xã: TT. Trà Lồng, huyện: TX. Long Mỹ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-55

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.24                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-56

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại cuối nguồn  
Trạm Trà Lồng  
Ấp: ấp Long An, xã: TT. Trà Lồng, huyện: TX. Long Mỹ
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-56

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.24                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.32                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-57

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Phạm Minh Nhân  
Trạm Trà Lồng  
Ấp: ấp Long An, xã: TT. Trà Lồng, huyện: TX. Long Mỹ
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-57

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.34                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.21                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 - 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-58

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước tại bể chứa  
Trạm Phương Phú  
Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL





**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-58

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.25                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2007                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.22                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-59

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Phương Phú  
Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :

TSL



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-59

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.37                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 10                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.23                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-60

Trang/ Page No: 1/2

1. Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
4. Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
5. Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
6. Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Trần Văn Bá  
Trạm Phương Phú  
Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp
7. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
8. Ghi chú/ Note :
9. Bảng kết quả/ Results Table :



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-60

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.28                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    |                        |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    |                        |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-61

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : **07/01/2023**  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : **07/01/2023**  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : **10/01/2023**
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : **Nước tại bể chứa**  
**Trạm Tân Phước Hưng**  
**Ấp: Phổ Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong chai nhựa**
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.35                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.34                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-61

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <b>Chú thích/ Remarks:</b><br><b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT<br>1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.<br>2(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.<br>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.<br>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau. |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL/ This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-62

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of : 07/01/2023  
Performance of Test
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Nước cuối nguồn  
Trạm Tân Phước Hưng  
Ấp: Phổ Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                              | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|--------------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) /<br>Coliforms (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) /<br>Escherichia coli (*)                                        | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                      | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính<br>theo Cl <sub>2</sub> ) / Free<br>chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.25                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                     | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity<br>(*)                                                         | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                    | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color<br>(*)                                                             | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                    | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                                 | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978                  | Không có<br>mùi, vị lạ |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                                 | 7.31                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523<br>: 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) /<br>Arsenic (As) (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                     | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-62

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QC/N 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
| <p><b>Chú thích/ Remarks:</b></p> <p><b>Nhận xét:</b> Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT</p> <p>1.(*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.</p> <p>2.(**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.</p> <p>3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.</p> <p>4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.</p> |                                             |                        |                 |              |                                 |                        |

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-63

Trang/ Page No: 1/2

- Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) : 07/01/2023  
received
- Ngày phân tích mẫu/ Date of Performance of Test : 07/01/2023
- Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 10/01/2023
- Thông tin mẫu/ Name of Sample : Hộ dân - Võ Hoàng Nam  
Trạm Tân Phước Hưng  
Ấp: Phó Đường, xã: Tân Phước Hưng, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong chai nhựa
- Ghi chú/ Note :
- Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                        | Kết Quả/<br>Result (s)           | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method   | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------|--------------|-----------------------------------|------------------------|
| 1           | LS Coliforms (*) / Coliforms (*)                                                   | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <3                     |
| 2           | LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                                     | Không phát hiện/<br>Not Detected | CFU/100mL       | 1            | ISO 9308-1:2014                   | <1                     |
| 3           | LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> ) | 0.32                             | mg/L            | -            | TCVN 6225-2:2021                  | 0.2 - 1.0              |
| 4           | LS Độ đục (*) / Turbidity (*)                                                      | Không phát hiện/<br>Not Detected | NTU             | 0.33         | SMEWW 2130 B:2017                 | 2                      |
| 5           | LS Độ màu (*) / Color (*)                                                          | Không phát hiện/<br>Not Detected | TCU             | 1.67         | SMEWW 2120 C:2017                 | 15                     |
| 6           | LS Mùi, vị / Odor, taste                                                           | Không có mùi, vị lạ              | -               | -            | Ref. TCVN 2653:1978               | Không có mùi, vị lạ    |
| 7           | LS pH (*) / pH value (*)                                                           | 7.25                             | -               | -            | TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008) | 6.0 – 8.5              |
| 8           | LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)                                                | Không phát hiện/<br>Not Detected | mg/L            | 0.0003       | TS-KT-QP-28:2021                  | 0.01                   |

## TSL SCIENCE CO.,LTD

Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

Chi nhánh Hà Nội: Số 17, Liên kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

Telephone: (+84) 28.3810.4336

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: TSL4230100892-63

Trang/ Page No: 2/2

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | GHPH/<br>LOD | Phương Pháp Thử/<br>Test Method | QCVN 01-1:<br>2018/BYT |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------|---------------------------------|------------------------|

**Chú thích/ Remarks:**

**Nhận xét:** Mẫu có chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo Nhóm A QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chỉ nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

**PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT**  
**TECHNICAL MANAGER**



**NGUYỄN HỮU TRUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HỒ THỊ THANH PHƯƠNG**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**Trụ sở HCM:** 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

**Chi nhánh Cà Mau:** Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

**Chi nhánh Hà Nội:** Số 17, Liền kề shophouse D1 tại khu D, Khu đô thị mới Lê Trọng Tấn, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, TP Hà Nội, Việt Nam

**Telephone:** (+84) 28.3810.4336

**Website:** <http://tsl-net.com.vn>

- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của TSL / This report will not be reproduced except in full, without approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04